PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 2

Unit 8 In the village · Lesson 2–3 (SGK tr. 35–36)

Tuần 15

Họ và tên: ..... Lớp: .....

Bài 1: Write the letters – viết chữ cái theo mẫu

Mẫu: Vv Vv Vv

Mỗi dòng một chữ cái: chữ hoa trước, chữ thường sau (Vv).

Bài 2: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu hoặc cuối

 ☐illage	 ☐olleyball	 ☐uice	 ☐am	 bo☐

Bài 3: Vocabulary – điền chữ cái đầu hoặc cuối (nghĩa trong ngoặc)

☐an (xe tải nhỏ) ☐illage (làng) ☐raw (vẽ)

Bài 4: Match – nối hình với từ

	•	•	volleyball
	•	•	box
	•	•	jam
	•	•	juice
	•	•	village

Bài 5: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1. Can you draw a van?	•	•	a. Không, tôi không làm được.
2. Yes, I can.	•	•	b. vẽ
3. No, I can't.	•	•	c. Bạn vẽ được xe tải không?
4. draw	•	•	d. Vâng, tôi làm được.

Bài 6: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. Can you draw a van? – Yes, I ☐☐☐. (A) can't (B) can

2. Can you draw a box? – No, I ☐☐☐. (A) can't (B) can

3. draw nghĩa là gì? (A) vẽ (B) nhìn (C) đưa

onthi.app phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án

ĐÁP ÁN – TIẾNG ANH LỚP 2

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 15

Bài 1: Write the letters – viết chữ cái theo mẫu

Vv

Bài 2: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu hoặc cuối

🏘 – **village** 🏐 – **volleyball** 🧃 – **juice** 🍯 – **jam** 📦 – **box**

Bài 3: Vocabulary – điền chữ cái đầu hoặc cuối (nghĩa trong ngoặc)

van (xe tải nhỏ) **v**illage (làng) **d**raw (vẽ)

Bài 4: Match – nối hình với từ

🏘 – **village** 🏐 – **volleyball** 🧃 – **juice** 🍯 – **jam** 📦 – **box**

Bài 5: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1 – **c** 2 – **d** 3 – **a** 4 – **b**

Bài 6: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. **B** (can) 2. **A** (can't) 3. **A** (vẽ)

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án